

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

kèm theo

BÁO CÁO KẾT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	3-5
Báo cáo Kiểm toán	6-7
Báo cáo tài chính	8-37
Bảng cân đối kế toán	8-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14-37

THA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 (chuyển đổi từ số ĐKKD: 0103014668), đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 12 năm 2013, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất sơn, véc ni và chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột, các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quầy Bar);
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Buôn bán nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quầy Bar);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn; sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; băng đĩa âm thanh, hình ảnh; thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da; trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hành khách;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (Không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng giao thông, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

Trụ sở chính của Công ty tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	89/1B Quốc Lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Công ty là: 29.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ bảy trăm triệu đồng*).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là 7.022.325.777 VND.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2014 là 6.987.325.777 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông : Mai Anh Tám	Chủ tịch	
Ông : Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	
Bà : Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	
Ông : Đỗ Trần Mai	Ủy viên	
Bà : Phạm Thị Hinh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2014)
Bà : An Hà My	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông : Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông : Trần Tuấn Kinh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

Số: 57/2015/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015, được trình bày từ trang 08 đến trang 36 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định về kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN,
KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT**



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0909-2013-141-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Đại Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1000-2013-141-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.276.669.191	75.857.746.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.959.177.486	20.151.491.784
1. Tiền	111	V.01	15.959.177.486	20.151.491.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.470.801.887	395.801.887
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	4.470.801.887	395.801.887
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.357.684.544	24.807.155.809
1. Phải thu khách hàng	131		23.615.643.915	21.595.306.870
2. Trả trước cho người bán	132		2.439.638.024	1.481.955.748
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.302.402.605	1.729.893.191
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		24.251.358.247	22.364.187.335
1. Hàng tồn kho	141	V.04	24.251.358.247	22.364.187.335
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.237.647.027	8.139.109.519
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.109.588.579	5.994.124.858
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	2.533.048	2.533.048
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.125.525.400	2.142.451.613
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.073.055.719	12.500.275.299
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định			10.690.788.157	8.458.685.543
1. Tài sản cố định hữu hình	220			
- Nguyên giá	221	V.08	10.519.846.505	7.614.064.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	222		22.274.107.953	16.727.739.488
2. Tài sản cố định thuê tài chính	223		(11.754.261.448)	(9.113.675.300)
- Nguyên giá	224	V.09	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	225		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	226		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	227	V.10	-	-
	230	V.11	170.941.652	844.621.355
III. Bất động sản đầu tư		V.12	-	-
- Nguyên giá	240		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	241		-	-
	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		V.13	57.732.645.986	3.149.700.000
1. Đầu tư vào công ty con	250		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	251		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	252		57.732.645.986	3.149.700.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	258		-	-
	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác			649.621.576	891.889.756
1. Chi phí trả trước dài hạn	260		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	261	V.14	466.421.576	708.689.756
3. Tài sản dài hạn khác	262	V.21	-	-
	268		183.200.000	183.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153.349.724.910	88.358.021.633

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		110.875.086.562	49.005.888.828
I. Nợ ngắn hạn	310		109.776.936.562	48.569.738.828
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	19.682.708.360	17.350.390.177
2. Phải trả người bán	312		17.683.449.183	18.964.168.827
3. Người mua trả tiền trước	313		3.638.319.589	2.512.891.679
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.749.641.870	5.977.114.771
5. Phải trả người lao động	315		1.944.011.482	2.087.250.577
6. Chi phí phải trả	316	V.17	490.000.000	560.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	60.162.881.263	1.089.954.072
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		425.924.815	27.968.725
II. Nợ dài hạn	330		1.098.150.000	436.150.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		117.350.000	17.350.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	980.800.000	418.800.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.474.638.348	39.352.132.805
I. Vốn chủ sở hữu	410		42.474.638.348	39.352.132.805
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	29.700.000.000	29.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		252.000.000	252.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.292.287.477	2.299.287.663
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		243.025.094	243.025.094
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.987.325.777	6.857.820.048
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153.349.724.910	88.358.021.633

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		200,83	200,6
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thái

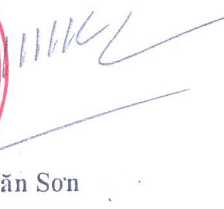
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	125.271.849.983	113.693.363.683
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	46.394.854	301.280.582
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	125.225.455.129	113.392.083.101
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	75.543.833.166	69.944.709.525
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.681.621.963	43.447.373.576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	13.956.691	44.832.129
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	2.149.259.510	2.182.432.528
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.149.259.510	2.176.502.783
8. Chi phí bán hàng	24		29.801.206.230	22.255.182.135
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.817.025.162	8.479.671.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.928.087.752	10.574.919.998
11. Thu nhập khác	31		191.257.650	93.739.769
12. Chi phí khác	32		116.363.636	56.497.361
13. Lợi nhuận khác	40		74.894.014	37.242.408
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.002.981.766	10.612.162.406
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51	VI.31	1.980.655.989	2.653.040.602
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.022.325.777	7.959.121.804
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		V.13	2.364	3.618

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn




Nguyễn Văn Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		133.179.866.112	124.140.597.938
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(92.041.847.365)	(82.143.343.177)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.129.304.345)	(13.378.112.476)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.149.259.510)	(2.176.502.783)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.078.064.131)	(627.101.919)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		66.905.288.283	6.461.644.644
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.385.451.260)	(18.105.613.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.301.227.784	14.171.568.651
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.834.913.919)	(18.718.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		30.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(723.401.887)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	677.600.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(56.000.000.000)	(3.149.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.417.054.014	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20		(64.387.859.905)	(3.214.220.069)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		77.618.664.851	59.907.757.268
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74.724.347.028)	(57.406.949.830)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(120.421.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.894.317.823	2.380.386.113
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.192.314.298)	13.337.734.695
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.151.491.784	6.813.757.089
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.	15.959.177.486	20.151.491.784

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 (chuyển đổi từ số ĐKKD: 0103014668), đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	89/1B Quốc Lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Công ty là: 29.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ bảy trăm triệu đồng*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất & kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sơn, véc ni và chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột, các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quầy Bar);
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình. Chi gồm có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Buôn bán nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quầy Bar);

- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn; sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; băng đĩa âm thanh, hình ảnh; thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da; trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hành khách;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (Không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng giao thông, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại Công ty có mở tài khoản công bố vào ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với từng mặt hàng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc thiết bị	5-8 năm
- Phương tiện vận tải	5-6 năm
- Thiết bị quản lý	3 năm

01/11/2014
 CÔNG
 AN
 ĐỒ

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " các khoản tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn đến 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư cổ phiếu và góp vốn dài hạn được kế toán theo nguyên tắc giá gốc. Tại thời điểm 31/12/2014, việc xem xét trích lập dự phòng với các khoản đầu tư này được dựa trên cơ sở tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhận góp vốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thuê đất & nhà xưởng chờ phân bổ;
- Phí li-xăng nhãn hiệu hàng hoá chờ phân bổ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản phải trả cho các chi phí đã phát sinh nhưng chưa trả, cụ thể số dư chi phí phải trả 31/12/2014 là chi phí kiểm toán và chi phí thuê nhà xưởng đã phát sinh nhưng chưa trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**13. Công cụ tài chính****a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Công ty sản xuất kinh doanh sơn, bột bả, keo chống thấm.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam.

936
Y
N
O
A
T

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1 . TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	6.115.279.339	5.632.100.295
Tiền gửi ngân hàng	9.843.898.147	13.721.490.750
Tiền đang chuyển	0	797.900.739
Cộng	15.959.177.486	20.151.491.784

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư ngắn hạn khác		4.470.801.887		395.801.887
- Cho vay ngắn hạn cá nhân		395.801.887		395.801.887
<i>Nguyễn Thị Thu Hương</i>		300.000.000		300.000.000
<i>Hà Thị Thảo</i>		-		-
<i>Lê Quang Cứu</i>		30.000.000		30.000.000
<i>Đỗ Thị Thùy</i>		20.000.000		20.000.000
<i>Nguyễn Trần Quyền</i>		42.000.000		42.000.000
<i>Đỗ Đình Phát</i>		3.801.887		3.801.887
- Cho Công ty CP Nguyên liệu Viglacera vay		4.000.000.000		-
Cộng		4.470.801.887		395.801.887

3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	3.302.402.605	1.729.893.191
Cộng	3.302.402.605	1.729.893.191

4 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.083.641.411	6.749.144.455
Công cụ, dụng cụ	182.819.937	135.323.735
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.042.954.917	3.267.524.506
Thành phẩm	6.075.892.700	6.706.280.591
Hàng hóa	7.811.600.560	5.451.465.326
Hàng gửi đi bán	54.448.722	54.448.722
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	24.251.358.247	22.364.187.335

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.533.048	2.533.048
Cộng	2.533.048	2.533.048

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6 . PHẢI THU NỘI BỘ

7 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.962.209.295	7.869.087.804	5.612.390.651	284.051.738	16.727.739.488
Số tăng trong năm	-	4.668.609.380	2.267.102.382	36.000.000	6.971.711.762
- Mua trong năm		1.628.606.909	1.469.727.283	-	3.098.334.192
- Tăng khác		3.040.002.471	797.375.099	36.000.000	3.873.377.570
Số giảm trong năm	449.218.832	-	793.636.364	182.488.101	1.425.343.297
- Thanh lý, nhượng bán			793.636.364	-	793.636.364
- Giảm khác	449.218.832	-		182.488.101	631.706.933
Số dư cuối năm	2.512.990.463	12.537.697.184	7.085.856.669	137.563.637	22.274.107.953
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.279.481.310	4.341.440.118	3.213.505.591	279.248.281	9.113.675.300
Số tăng trong năm	582.139.867	1.276.353.173	1.105.232.298	-	2.968.999.328
- Khấu hao trong năm	529.910.580	69.576.740	1.070.247.712	5.273.990	1.675.009.022
- Tăng khác	52.229.287	1.206.776.433	34.984.586	-	1.293.990.306
Số giảm trong năm	-	-	145.454.546	182.958.634	328.413.180
- Chuyển sang BĐS đ.tư					
- Thanh lý, nhượng bán			145.454.546		145.454.546
- Giảm khác				182.958.634	182.958.634
Số dư cuối năm	1.861.621.177	5.617.793.291	4.173.283.343	96.289.647	11.754.261.448
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.682.727.985	3.527.647.686	2.398.885.060	4.803.457	7.614.064.188
Tại ngày cuối năm	651.369.286	6.919.903.893	2.912.573.326	41.273.990	10.519.846.505

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mua sắm TSCĐ	170.941.652	844.621.355
Cộng	170.941.652	844.621.355

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
c. Đầu tư dài hạn khác		57.732.645.986	62.994	3.149.700.000
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu	34.653	1.732.645.986	62.994	3.149.700.000
- Viglacera- tỷ lệ sở hữu chiếm 11,55%				
- Công ty Cổ phần GoldStar Việt Nam- Tỷ lệ sở hữu chiếm 18%	900.000	9.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Create Capital Việt Nam- tỷ lệ sở hữu chiếm 18%		27.000.000.000		
- Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Khoáng sản Hà Nội		10.000.000.000		-
- Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long		10.000.000.000		-
Cộng		57.732.645.986		3.149.700.000

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê đất & nhà xưởng chờ phân bổ	-	60.450.000
Phí li-xăng nhãn hiệu hàng hoá	466.421.576	648.239.756
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	466.421.576	708.689.756

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	19.682.708.360	17.350.390.177
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>19.682.708.360</i>	<i>17.350.390.177</i>
Cộng	19.682.708.360	17.350.390.177

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SON ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, Ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay/năm	Thời hạn vay (tháng)	Số kế ước	Hạn mức tín dụng/ Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc (VND)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Hình thức vay
Vay ngắn hạn Ngân hàng									
01/201/47 29252/H DTDHM	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	Lãi suất thả nổi và áp dụng tại từng thời điểm giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ	Theo thời hạn của từng kế ước nhận nợ. Mỗi kế ước không quá 10 tháng		8.566.587.142	8.565.860.098			Thế chấp tài sản
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	12382000364454		1.574.495.092	25/12/2014	25/06/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	12382000364056		965.945.202	18/12/2014	18/06/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	12382000363008		781.714.880	12-05-14	06-05-15	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	12382000362546		577.847.171	26/11/2014	24/05/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	12382000362148		548.928.357	13/11/2014	13/05/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	123820001361163		1.756.938.788	11-05-14	05-05-15	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	12382000360726		1.424.955.418	15/10/2014	15/04/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,20%	6	12382000360513		935.035.190	30/09/2014	30/03/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,50%	6	12382000349187		594.085.726	27/02/2014	27/08/2014	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,50%	6	12382000352240		300.878.800	19/02/2014	19/08/2014	Theo hợp đồng tín dụng chung
	BIDV Quang Trung	8,50%	6	12382000352237		49.997.550	19/02/2014	19/08/2014	Theo hợp đồng tín dụng chung
Tổng					8.566.587.142	8.565.860.098			

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SON ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, Ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay/năm	Thời hạn vay (tháng)	Số kế ước	Hạn mức tín dụng/ Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc (VND)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Hình thức vay
34-03/2014/HĐTDH M/NHCT 131-ĐA	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Đông HN	Lãi suất thả nổi và áp dụng tại từng thời điểm giải ngân. Điều chỉnh 1 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau tương ứng với kỳ hạn tiền vay tại ViettinBank +biên độ lãi suất thả nổi (2,5%)	Theo thời hạn của từng kế ước nhận nợ. Mỗi kế ước không quá 06 tháng		12.000.000.000	7.133.770.153			Thế chấp tài sản
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	5	22111001854430		469.581.800	24/12/2015	24/05/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	6	221110018686840		1.985.567.670	31/12/2014	30/06/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	6	221110018342386		638.363.101	12-10-14	06-10-15	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	6	221110018227135		777.560.821	12-02-15	06-02-15	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	6	221110018193591		310.906.355	28/11/2014	28/05/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	6	221110018161648		497.597.777	27/11/2014	27/05/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	6	221110018018614		744.030.833	18/11/2014	18/05/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	8%	6	22111001795089		1.710.161.796	12/11/20214	05-12-15	Theo hợp đồng tín dụng chung
Tổng		9%	6		12.000.000.000	7.133.770.153			

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SON ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, Ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay/năm	Thời hạn vay (tháng)	Số kế ước	Hạn mức tín dụng/ Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc (VND)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Hình thức vay
SHBVN/TDH/2012/0057	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng	Lãi suất thả nổi và áp dụng tại từng thời điểm giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ	Theo thời hạn của từng kế ước nhận nợ. Mỗi kế ước không quá 12 tháng		4.000.000.000	3.983.078.109			Thế chấp tài sản
	ShinhanBank-CN Trần Duy Hưng	8,5%	4	700-001-898590(28)		1.275.253.376	10-09-14	02-09-15	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ShinhanBank-CN Trần Duy Hưng	8,5%	4	700-001-898590(29)		250.146.698	16/10/2014	16/02/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ShinhanBank-CN Trần Duy Hưng	8,5%	4	700-001-898590(30)		749.678.035	22/10/2014	22/02/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ShinhanBank-CN Trần Duy Hưng	8,5%	4	700-001-898590(31)		220.000.000	24/10/2014	24/02/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ShinhanBank-CN Trần Duy Hưng	8,5%	4	700-001-898590(32)		1.488.000.000	31/10/2014	28/02/2015	Theo hợp đồng tín dụng chung
Tổng					4.000.000.000	3.983.078.109			
	Vay ngắn hạn khác					0			
Tổng các khoản vay ngắn hạn					24.566.587.142	19.682.708.360			

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	2.772.562.651	2.991.573.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.673.906.776	2.791.793.691
Thuế thu nhập cá nhân	303.172.443	193.747.113
Cộng	5.749.641.870	5.977.114.771

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí kiểm toán phải trả Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT	70.000.000	140.000.000
Chi phí thuê nhà xưởng	420.000.000	420.000.000
Cộng	490.000.000	560.000.000

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	170.842.826	76.945.570
Bảo hiểm xã hội	447.491.947	291.041.010
Bảo hiểm y tế	18.505.810	1.987.835
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.526.040.680	719.979.657
<i>Thù lao HĐQT & BKS</i>	349.018.196	67.910.646
<i>Cổ tức phải trả</i>	3.005.762.725	64.789.725
<i>Các cá nhân</i>	56.171.259.759	567.022.503
Cộng	60.162.881.263	1.089.954.072

19 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

20 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn	980.800.000	418.800.000
- <i>Vay ngân hàng</i>	980.800.000	418.800.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	980.800.000	418.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SON ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, Ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay/năm	Thời hạn vay (tháng)	Số kế ước	Hạn mức tín dụng/ Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc (VND)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Hình thức vay
Vay dài hạn Ngân hàng									
Ngân hàng BIDV - CN Quang Trung					835.800.000	530.400.000			
01/2014/47225 2/HDTDTH	Ngân hàng BIDV - CN Quang Trung	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào ngày 25 tháng đầu quý	36	123820003 5488	350.000.000	272.400.000	29/04/2014	29/04/2017	
01/2013/47292 52/HĐTD	Ngân hàng BIDV - CN Quang Trung	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào ngày 25 tháng đầu quý	36	123820003 43620	485.800.000	258.000.000	25/07/2013	25/07/2016	Thế chấp
Ngân hàng MB Bank - CN Hoàn Kiếm					548.000.000	450.400.000			
629.14.081.197 8415.TD	Ngân hàng MB Bank - CN Hoàn Kiếm	Lãi suất thả nổi	36	LD141184 00465	400.000.000	333.400.000	03/07/2014	03/07/2017	
630.14.081.197 8415.ĐKTD	Ngân hàng MB Bank - CN Hoàn Kiếm	Lãi suất thả nổi	24	LD142050 0785	148.000.000	117.000.000	24/07/2014	24/07/2016	
Tổng cộng các khoản vay dài hạn					1.383.800.000	980.800.000			

21 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	22.000.000.000	252.000.000	2.187.451.620	243.025.094	3.785.051.854	28.467.528.568
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.959.121.804	7.959.121.804
Tăng khác	7.700.000.000	-	111.836.043	-	12.849.514	7.824.685.557
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	3.300.000.000	3.300.000.000
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	499.203.124	499.203.124
Số dư cuối năm trước	29.700.000.000	252.000.000	2.299.287.663	243.025.094	6.857.820.048	39.352.132.805
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.022.325.777	7.022.325.777
Tăng khác	-	-	2.992.999.814	-	-	2.992.999.814
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	2.970.000.000	2.970.000.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	3.922.820.048	3.922.820.048
Số dư cuối năm nay	29.700.000.000	252.000.000	5.292.287.477	243.025.094	6.987.325.777	42.474.638.348

b, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Vốn góp của Nhà nước	-	0%	-	0%
Vốn góp của các đối tượng khác	29.700.000.000	100%	29.700.000.000	100%
- Do pháp nhân nắm giữ	29.700.000.000		29.700.000.000	
- Do thể nhân nắm giữ				
Cộng	29.700.000.000		29.700.000.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	29.700.000.000	22.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	7.700.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	29.700.000.000	29.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.857.820.048	4.924.385.790

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.970.000	2.970.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành & góp vốn đầy đủ	2.970.000	2.970.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.970.000	2.970.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.970.000	2.970.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.970.000	2.970.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.022.325.777	7.959.121.804
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	7.022.325.777	7.959.121.804
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	2.970.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.364	3.618

23 . NGUỒN KINH PHÍ

24 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KQHĐKD

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	125.271.849.983	113.693.363.683
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	125.271.849.983	113.693.363.683

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	46.394.854	301.280.582
Cộng	46.394.854	301.280.582

27 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	125.225.455.129	113.392.083.101
Cộng	125.225.455.129	113.392.083.101

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	75.543.833.166	69.944.709.525
Cộng	75.543.833.166	69.944.709.525

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.956.691	44.832.129
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	13.956.691	44.832.129

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.149.259.510	2.176.502.783
Chi phí tài chính khác		5.929.745
Cộng	2.149.259.510	2.182.432.528

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.002.981.766	10.612.162.406
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.980.655.989	2.653.040.602
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.980.655.989	2.653.040.602

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.383.661.035	69.323.757.530
Chi phí nhân công	20.260.854.818	14.766.370.878
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.675.009.022	2.930.137.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.823.638.375	8.374.476.791
Chi phí khác bằng tiền	4.906.072.220	4.287.857.474
Cộng	116.049.235.470	99.682.599.959

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
- 2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

	Son	Bột bả	Keo chống thấm	Đơn vị tính : VND Tổng cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	111.575.880.520	7.137.850.942	6.511.723.667	125.225.455.129
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.575.880.520	7137850942	6511723667	125.225.455.129
Giá vốn	67.309.555.351	4.305.998.490	3.928.279.325	75.543.833.166
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.266.325.169	2.831.852.452	2.583.444.342	49.681.621.963
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				38.618.231.392
Doanh thu hoạt động tài chính				13.956.691
Chi phí tài chính				2.149.259.510
Thu nhập khác				191.257.650
Chi phí khác				116.363.636
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.980.655.989
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.022.325.777
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.098.334.192	-	-	3.098.334.192
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.458.713.185	138.672.859	77.622.978	1.675.009.022
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Năm trước	Sơn	Bột bả	Keo chống thấm	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	100.578.777.711	5.896.388.321	6.916.917.069	113.392.083.101
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Giá vốn	62.040.957.349	3.637.124.895	4.266.627.281	69.944.709.525
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.578.777.711	5.896.388.321	6.916.917.069	113.392.083.101
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	38.537.820.362	2.259.263.426	2.650.289.788	43.447.373.576
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				30.734.853.179
Doanh thu hoạt động tài chính				44.832.129
Chi phí tài chính				2.182.432.528
Thu nhập khác				93.739.769
Chi phí khác				56.497.361
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.653.040.602
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.959.121.804
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.601.537.953	-	-	2.601.537.953
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.781.315.997	68.484.133	80.337.156	2.930.137.286
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Son	Bộ bả	Keo chống thấm	Các khoản loại	Tổng cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	59.042.843.546	3.777.151.607	3.445.822.519	-	66.265.817.672
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					87.083.907.238
Tổng tài sản					153.349.724.910
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	97.811.250.476	6.257.285.384	5.708.400.701	-	109.776.936.562
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.098.150.000
Tổng nợ phải trả					110.875.086.562
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.180.939.321	3.410.832.970	4.001.169.446	-	65.592.941.737
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					22.765.079.896
Tổng tài sản					88.358.021.633
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.308.135.834	2.525.626.419	2.962.754.069	-	48.569.738.828
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					436.150.000
Tổng nợ phải trả					49.005.888.828

BÁO CÁO BỘ PHẬN THỨ YẾU: THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Năm nay

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	87.690.294.988	12.527.184.998	25.054.369.997	125.271.849.983
Tài sản bộ phận	7.363.892.554	1.051.984.651	2.103.969.301	10.519.846.505
Tổng chi phí đã phát s	2.037.328.510	-	1.061.005.682	3.098.334.192

Năm trước

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	79.585.354.578	11.369.336.368	22.738.672.737	113.693.363.683
Tài sản bộ phận	5.993.468.436	389.000.596	1.231.595.154	7.614.064.188
Tổng chi phí đã phát s	2.601.537.953	-	-	2.601.537.953

4. CÔNG CU TÀI CHÍNH

a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	9.843.898.147	13.721.490.750
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	62.203.447.873	3.545.501.887
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.918.046.520	23.325.200.061
Cộng	98.965.392.540	40.592.192.698

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SON ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

e. Giá trị hợp lý

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	15.959.177.486	15.959.177.486	20.151.491.784	20.151.491.784
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.918.046.520	(*)	23.325.200.061	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	62.203.447.873	(*)	3.545.501.887	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	37.732.645.986	(*)	3.149.700.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(19.682.708.360)	(19.682.708.360)	(17.350.390.177)	(17.350.390.177)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(77.846.330.446)	(77.846.330.446)	(20.054.122.899)	(20.054.122.899)
- Vay dài hạn	(980.800.000)	(980.800.000)	(418.800.000)	(418.800.000)
	44.303.479.059	(*)	12.348.580.656	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



5 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera, tỷ lệ sở hữu 11,55%

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đầu tư ngắn hạn khác	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	4.000.000.000	-
Cộng	4.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Đầu tư ngắn hạn khác	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	4.000.000.000	-
Cộng	4.000.000.000	-

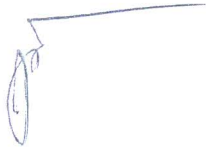
Tiền lương Ban Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương Ban Giám đốc	240.269.246	248.820.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

